

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 09/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 10

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật. Mời xem kinh văn tiếp theo.

Trụ thiền định sâu, đều thấy vô lượng chư Phật. Trong một niệm đi khắp hết thấy cõi Phật, được biện tài của Phật, trụ trong hạnh Phổ Hiền, khéo phân biệt ngôn ngữ của chúng sanh, khai hóa hiển thị bốn bờ chân thật, vượt hơn tất cả các pháp thế gian.

“Trụ thiền định sâu.”

Chính là “vô trụ sanh tâm”. Hội Sớ nói: trụ vào thiền định *vi thâm u huyền*. Vi là vi diệu, thâm là sâu rộng, u là lặng lẽ, huyền là huyền diệu. Chẳng phải là điều mà A-la-hán, Bích-chi Phật và Bồ-tát sơ phát tâm của Nhị thừa có thể làm được, cho nên gọi là “thiền định sâu”. Bản dịch thời Đường gọi là “nhất thiết chủng thậm thâm thiền định”. “Nhất thiết chủng” là gọi tắt của “nhất thiết chủng trí”. Trí tuệ của A-la-hán được gọi là *nhất thiết trí*; trí tuệ của Bồ-tát được gọi là *đạo chủng trí*; trí tuệ của Phật được gọi là *nhất thiết chủng trí*. Thiền định thậm thâm của Phật trí là sự tương và thiền định được hình thành từ toàn bộ lý thể của Như Lai, do đó nó sâu vô cùng. Đây là lý định, không phải sự định.

“Đều thấy vô lượng chư Phật.”

Trụ trong định là “tịch”, thấy Phật là “chiếu”. Vào thiền định cạn thì trong định không thể sanh khởi chiếu dụng, trong tâm vừa động liền mất thiền định, tịch và chiếu làm trở ngại nhau. Thế nhưng đây là thiền định thậm thâm, là thiền định của trí tuệ Như Lai, lý và sự không làm trở ngại nhau, “tịch” và “chiếu” có thể đồng thời. Do vậy, trong thiền định sâu có thể thấy vô lượng chư Phật. Đại nguyện “trong định cúng Phật” của đức Di-đà là: Bồ-tát mười phương sau khi nghe đến danh hiệu Di-đà có thể đắc các loại tam-muội và tổng trì. “Trong định thường cúng vô lượng vô biên hết thấy chư Phật, không mất định ý”. Cúng Phật

tự nhiên sẽ thấy Phật, cho nên “trong định cúng Phật” tương ứng với “trụ trong định thấy Phật” được nói ở đây.

“Trong một niệm đi khắp hết thủy cội Phật.”

“Một niệm” là chỉ cho thời gian. Độ dài ngắn của thời gian này có bốn cách nói, dễ đơn giản dễ nhớ, nay lấy một niệm là một sát-na, một khảy ngón tay có 60 sát-na. Trong kinh Nhân Vương nói: Trong một sát-na có 900 lần sanh diệt. “Trong một niệm”, thời gian một niệm trôi qua chính là 1 phần 60 của một khảy ngón tay, cũng gọi là một sát-na.

Có người nói mình đã lìa niệm, đó chẳng qua là việc gì cũng không nghĩ tới, căn bản không phải là lìa niệm. Vì sao vậy? Bạn có thể thấy được một sát-na trong một khảy ngón tay không? Có thể thấy 900 lần sanh diệt trong một sát-na không? Những điều này hoàn toàn không thể biết, không thể thấy, không thể cảm nhận được. Ví như cái cửa điện, nhấn công tắc một cái, lưỡi cửa sẽ quay rất nhanh, vì lưỡi cửa quay quá nhanh nên bạn chỉ nhìn thấy một vòng tròn, căn bản không cảm thấy nó đang chuyển động. Những Đại sĩ này trong một sát-na có thể đi khắp hết thủy cội nước, do đó đã đánh đổ khái niệm thông thường về thời gian.

Bên trên chính là cảnh giới sự sự vô ngại, kéo dài hay rút ngắn đồng thời trong kinh Hoa Nghiêm. “Kéo dài” là thời gian dài, “rút ngắn” là thời gian ngắn. Một tiếng có 3.600 giây, đây là kiến thức thông thường; nếu nói trong một giây có 3.600 tiếng thì mọi người sẽ nói bạn ngớ ngẩn. Không biết rằng đây chính là cảnh giới Hoa Nghiêm, cục bộ có thể bao quát toàn thể. Bậc thầy vật lý học cận đại - ông Einstein nói là do cảm nhận sai lầm, Phật giáo nói là do vọng tưởng. Do một niệm vọng động, nhân đó mới có vô minh, mới có thời gian, không gian, thế giới. “Thế” chính là thời gian, “giới” chính là không gian. Hết thủy sắc vốn là không, không vốn chính là sắc. Sở dĩ hết thủy những điều này đối lập nhau đều do một niệm vọng động.

“Trong một niệm đi khắp hết thủy cội Phật” khế hợp với lời nguyện thứ 11 của A-di-đà Phật. Nguyện văn là: “Trong một niệm”, “đi khắp hơn trăm ngàn ức na-do-tha cội Phật để cúng dường chư Phật”, đến khắp vô lượng cội Phật để lễ cúng chư Phật. Tuy làm rất nhiều Phật sự, cần thời gian rất dài, song chỉ trong một niệm vốn vẹn mà viên mãn toàn bộ. Dùng điều này cho thấy người vãng sanh Cực Lạc và các đại Bồ-tát trong hội của kinh này đều ở cảnh giới Hoa Nghiêm.

Các Đại sĩ trong hội ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, tự nhiên lúc nào cũng là cảnh giới Hoa Nghiêm không thể nghĩ bàn, nơi nào cũng là huyền môn

sự sự vô ngại. Một niệm kéo dài vạn năm, thời gian cần cho nhiều kiếp được hoàn thành trong một sát-na; động một niệm liền viên mãn rộng lớn vô biên thắng hạnh. Ý trước là kéo dài và rút ngắn đồng thời, ý sau là một và nhiều chính là nhau. Một niệm là “một”, cúng dường vô lượng chư Phật là “nhiều”. “Nhiều” vô lượng vô biên, song trong một niệm nhiếp trọn hết thảy. Từ đây chứng minh, trong một có nhiều, một và nhiều chính là nhau, đều là sự huyền diệu “sự sự vô ngại” của Hoa Nghiêm.

“Được biện tài của Phật.”

Đại sư Gia Tường nói: Rất nhanh ứng với căn cơ của người hỏi và người nghe, làm ra sự khai sáng và dẫn dắt thích hợp nhất thì gọi là “biện”. Giống như đại phu, nhìn mặt - nghe tiếng - hỏi bệnh - bắt mạch, căn cứ vào bệnh tình mà cho thuốc. Trong Hội Sớ nói: Lời nói ra có thể giải trừ nghi hoặc của người, khiến người từ trong nghi hoặc do mê loạn mà tỉnh ngộ hiểu rõ thì gọi là “biện”. Linh hoạt khéo léo, tùy căn cơ mà dạy dỗ thì gọi là “tài”. Những loại phương tiện thiện xảo này đều từ thánh trí lưu hiện ra, cho nên gọi là “biện tài của Phật”.

Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: do được bốn trí vô ngại của Như Lai nên lưu hiện ra bốn biện tài vô ngại. Bốn biện tài vô ngại ấy là:

1. Nghĩa vô ngại. Đối với đạo lý của hết thảy các pháp, không có mâu thuẫn hay xung đột, mà thông đạt vô ngại.
2. Pháp vô ngại. Hiểu rõ tên gọi của hết thảy các pháp, khéo phân biệt, chính xác vô ngại.
3. Từ vô ngại. Đối với danh từ nghĩa lý có thể thuận theo các loại ngôn ngữ khác nhau của hết thảy chúng sanh mà diễn nói cho họ, khiến họ có thể hiểu rõ. Việc này chỉ có Bồ-tát mới có thể làm được, trí tuệ của người thường không làm được.
4. Nhạo thuyết vô ngại. Tùy thuận căn tánh của tất cả chúng sanh, họ thích nghe pháp nào thì nói pháp ấy cho họ. Điều bạn nói ra chính là thứ người khác thích nghe.

Sách Chân Giải có một cách nói độc đáo tuyệt diệu: Nếu nương theo giáo pháp căn bản thì dù chỉ nói một chữ cũng gọi là “biện tài của Phật”. Vì sao vậy? Những điều truyền bá là ngôn giáo đích thực của Như Lai, một chữ được nói ra chính là lời chân thật của Như Lai, chính là được biện tài của Phật. Tăng nhân Nhật Bản gọi Tịnh độ tông là giáo pháp căn bản, nguyên thứ 18 của Di-đà lại là

gốc rễ của giáo pháp căn bản. Chẳng những các đại Bồ-tát trong hội là như vậy, cho dù phàm phu chúng ta có thể nói một chữ hợp với giáo pháp căn bản thì cũng giống với biện tài của Phật. Do vậy, cách nói của sách Chân Giải hay vô cùng, hàm nghĩa cực kỳ sâu sắc.

“Trụ trong hạnh Phổ Hiền.”

Bồ-tát trong hội đều tuân theo đức của Phổ Hiền, cho nên trụ trong hạnh Phổ Hiền. Nội dung quan trọng nhất của hạnh Phổ Hiền chính là mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Đây cũng là phân tổng kết của một bộ Hoa Nghiêm. Quy hướng Cực Lạc là điểm then chốt trong nguyện vương của đại sĩ Phổ Hiền.

“Khéo phân biệt ngôn ngữ của chúng sanh.”

Trong kinh Mật Tích nói: Ba ngàn đại thiên thế giới có 84 trăm ngàn ức na-do-tha chủng loại chúng sanh, mỗi loại có chủng loại ngôn ngữ khác nhau. Thế nhưng Bồ-tát có thể tùy theo chủng loại chúng sanh, dựa vào phương thức ngôn ngữ của họ mà thuyết pháp cho chúng sanh, khiến chúng sanh hiểu. Trong kinh Xưng Tán Đại Thừa Công Đức nói: Phật Bồ-tát dùng âm thanh tùy theo loài mà độ sanh, khiến súc sanh và quỷ nghe thuyết pháp bằng ngôn ngữ mà họ có thể nghe hiểu. Tùy theo các loại ngữ âm của họ, gọi là “tùy loại âm”. Cho dù chủng loại ngôn ngữ của chúng sanh vô lượng vô biên, song Pháp thân đại sĩ đều có thể hiểu được. Cho nên nói “khéo phân biệt ngôn ngữ của chúng sanh”, hơn nữa có thể tùy theo ngôn ngữ sẵn có của các loại chúng sanh mà diễn nói diệu pháp cho khắp tất cả.

“Khai hóa hiển thị bốn bờ chân thật.”

Câu nói này chẳng những khái quát toàn kinh, mà còn là nguồn gốc một đời thánh giáo của Thế Tôn. Hết thảy mọi giáo hóa đều ở trong một câu này. Kinh Pháp Hoa được tông Thiên Thai xưng là thuần viên độc diệu, nói rằng: “Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời”, “chỉ vì giúp chúng sanh ngộ tri kiến Phật”. Phật khai tri kiến Phật, chỉ bày tri kiến Phật cho chúng sanh, khiến chúng sanh ngộ tri kiến Phật, vào tri kiến Phật. Cho nên nói, khai hóa chính là “khai”, hiển thị chính là “thị”, “bốn bờ chân thật” chính là tri kiến Phật.

Thế nhưng tri kiến Phật “chẳng phải suy nghĩ phân biệt có thể hiểu được”. Tri kiến của chúng sanh đều là tình kiến, khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng phân biệt, căn bản không thể như thật hiểu rõ tri kiến Phật. “Tri kiến Phật” chẳng những chúng sanh vẫn chưa hiểu được, mà còn không thể hiểu được. Thế nên đại sự nhân duyên duy nhất mà Thế Tôn xuất hiện ở thế gian chính là khai thị cho

chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật, cũng chính là “khai hóa hiển thị bến bờ chân thật”. Then chốt của học Phật chính là phải nghiền nát toàn bộ tri kiến chúng sanh của chính mình, như thật khế nhập tri kiến của chư Phật, cũng chính là “bến bờ chân thật”.

Trong Trí Độ Luận nói: Chân như, pháp tánh, thật tế đều là tên gọi khác nhau của thật tướng các pháp. Cũng tức là chân như, pháp tánh, thật tế, thật tướng là những tên gọi khác nhau của cùng một bản thể, vốn đều là một thể. Sách Chân Giải nói: Dem chỗ vi diệu của thật tướng ra nghiền ngẫm tận cùng về lý thể và căn nguyên của nó, rốt ráo đến tột đỉnh, không hơn được nữa thì gọi là “bến bờ”. “Bến bờ chân thật” hiển bày lý thể vi diệu cùng cực của chân như thật tướng, cũng chính là tri kiến Phật.

Giáo pháp một đời của Thế Tôn có sự lý, không hữu, đôn tiêm, các loại khác nhau, song mười phương chư Phật đồng khen ngợi duy chỉ có pháp môn Tịnh độ. Diệu pháp Tịnh độ gồm thấu hết thấy hữu tình trong pháp giới cùng hướng về Nhất Phật thừa. Ba bậc vãng sanh đều phải phát tâm bồ-đề. Vãng Sanh Luận nói: “Hàng Nhị thừa không sanh về”. Phàm những người vãng sanh đều cưỡi xe trâu trắng lớn, nhất định đạt đến Phật quả rốt ráo; toàn nhờ vào biển nguyện Nhất thừa, sáu chữ hồng danh; nương vào Phật lực, trì danh vãng sanh, vượt khỏi tình chấp của chúng sanh, toàn thể là tri kiến Phật. Nước, chim, rừng cây thấy đều thuyết pháp. Mười phương cõi Phật hiện nơi cây báu. Chỗ nào cũng là sự sự vô ngại của Hoa Nghiêm, không thể nghĩ bàn, hiển rõ hoàn toàn diệu kiến của chư Phật.

Thế nên Hội Sớ và Chân Giải đều lấy “duy nhất thế nguyện Nhất Phật thừa này, biển chân như nhất thật làm bến bờ chân thật”. Các Đại sĩ trong hội của kinh này đều vì chúng sanh mà tuyên diễn “thệ nguyện Nhất Phật thừa” mà chư Phật đồng xưng tán, khai thị tri kiến Phật cho chúng sanh mười phương. Do vậy kinh nói “khai hóa hiển thị bến bờ chân thật”.

Trì danh có sự niệm và lý niệm. Lý nhất tâm có thể phá vô minh, hiển pháp thân, vãng sanh cõi cao nhất - Thường tịch quang tịnh độ, tịch chiếu đồng thời, tâm và cõi nước không hai. Quán kinh nói: “Tâm này là Phật, tâm này làm Phật”. Do vậy biết rằng, thanh tịnh cõi nước Phật chính là thanh tịnh tự tâm mình. Tứ Liệu Giản nói: “Có Thiền có Tịnh độ, như hồ mọc thêm sừng, hiện tại làm thầy người, tương lai làm Phật tổ”. Hòa thượng Bồ Đại thời Tùy Đường nói: “Chỉ có tâm tâm tâm này là Phật, mười phương thế giới vật linh nhất, tung hoành diệu dụng đáng thương thay, hết thấy chẳng bằng tâm chân thật”. Cho nên bến bờ chân

thật cũng chính là tự tâm. Khai hóa hiển thị bến bờ chân thật cũng chính là thấu rõ bốn tâm, thấy được bốn tánh.

Về pháp môn niệm Phật, năng niệm chính là Phật, sở niệm cũng là Phật! Vị Phật năng niệm chính là bốn tâm này, Phật hiệu được niệm cũng chính là bốn tâm này. Năng và sở không hai, chỉ là một tâm, cho nên một tiếng Phật hiệu là một tiếng lòng. Kinh Đại Tập nói: “Nếu người chỉ niệm A-di-đà, chính là vô thượng thâm diệu thiên.” Thế nên Thiên tông và Tịnh độ nào phải hai thứ.

Cách nói của Mật tông lại cao hơn một bước. Mật tông nói: “Âm thanh văn tự đều là thật tướng.” Thật tướng vô tướng, nhưng thật tướng cũng chẳng phải không có tướng. Nhìn một con chữ, niệm một câu chú chính là sanh thật tướng, đây là pháp căn bản nhất của Mật tông. Nếu không hiểu được căn bản mà tu trì thì thuộc về pháp hữu vi. Nếu vẫn muốn cầu điều gì đó, đắc thứ gì đó, cho dù tinh tấn tu hành, song rất khó tương ưng.

Trong kinh này có ba chỗ xuất hiện từ “chân thật”:

1. Khai hóa hiển thị bến bờ chân thật.
2. Tỳ-kheo Pháp Tạng “trụ trí tuệ chân thật, đồng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ”.
3. Như Lai “muốn cứu bạt quần sanh, ban cho lợi ích chân thật”.

Ba thứ “chân thật” trong kinh này có thể khái quát là:

1. Bến bờ chân thật là lý thể của kinh này.
2. Trí tuệ chân thật trang nghiêm thành tựu Cực Lạc Tịnh độ.
3. Bình đẳng ban khắp cho tất cả chúng sanh lợi ích chân thật.

Bến bờ chân thật là căn bản, từ bến bờ chân thật sản sinh ra trí tuệ chân thật. A-di-đà Phật trụ trí tuệ chân thật để trang nghiêm Tịnh độ. Có pháp môn Tịnh độ thì có thể ban cho chúng sanh lợi ích. Ba thứ chân thật này: bến bờ chân thật, trí tuệ chân thật, lợi ích chân thật là chỗ vẽ rồng điểm mắt của kinh này, là tinh yếu trong tinh yếu nhất.

“Vượt hơn tất cả các pháp thế gian.”

“Các pháp thế gian” là chỉ cho các loại pháp trong phần đoạn và biến dịch sanh tử. Chúng sanh lục đạo sanh sanh tử tử, sanh là một đoạn, chết là một đoạn, đây là phần đoạn sanh tử. A-la-hán có thể ra khỏi phần đoạn sanh tử. A-la-hán và Duyên giác trở lên, đến Bồ-tát Địa tiền, Địa thượng, cho đến Đẳng giác cần phải

phá 42 phẩm vô minh, trải qua 42 giai vị. Mỗi lần các ngài nâng lên cao đều có sự biến đổi về mặt không gian, gọi là biến dịch sanh tử. Sự khác biệt về vị thứ của Bồ-tát, phàm phu không cách nào hiểu được. Bồ-tát Sơ địa không biết được cảnh giới của Bồ-tát Nhị địa. Nếu dựa vào ý của mình mà suy đoán thì khó tránh khỏi tội báng pháp. Trong Tịnh Ảnh Sớ và Hợp Tán nói: Chẳng những ra khỏi phần đoạn sanh tử trong lục đạo luân hồi mà còn ra khỏi biến dịch sanh tử của địa vị thánh hiền, nên gọi là “vượt hơn tất cả các pháp thế gian”.

Trong Hội Sớ nói: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới đều gọi là “thế gian”. Chúng sanh và cõi nước có các loại khác biệt, nên gọi là “tất cả các pháp thế gian”. Vượt trên hết thảy khác biệt, đạt đến tánh không vô tướng, nhất loạt bình đẳng thì gọi là “vượt hơn”. Sách Chân Giải nói: Hết thảy pháp thế gian đều là hữu vi, đều như mộng huyễn, có thể bị phá hoại, cho nên gọi là “thế gian”. Kinh Kim Cang nói: “Hết thảy pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng.” Các Đại sĩ đều biết những thứ này là hư huyễn, song vẫn không xả bỏ thế gian; tuy biết rằng chúng sanh vốn là không, nhưng vẫn cứu độ chúng sanh, đây gọi là “vượt hơn”.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Tâm thường trụ chắc nơi đạo độ thế, đối với hết thảy vạn vật tùy ý tự tại. Làm người bạn không rời của mọi loài. Thọ trì pháp tạng thậm thâm của Như Lai. Hộ chúng tánh Phật thường khiến không dứt. Khởi lòng đại bi, thương xót hữu tình, từ bi diễn nói, truyền trao pháp nhãn, đóng đường ác, mở cửa lành. Với mọi chúng sanh, xem như chính mình, gánh vác việc cứu giúp, đều độ lên bờ giác. Được vô lượng công đức của chư Phật, trí tuệ thánh minh, không thể nghĩ bàn.

“Tâm thường trụ chắc nơi đạo độ thế.”

Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: “trụ chắc” chính là an trụ. Các Bồ-tát tại và xuất gia trong hội, tâm thường hằng an trụ trong pháp độ thế chân thật vô vi, cứu độ hết thảy thế gian, hết thảy chúng sanh. Sách Chân Giải nói: “Ra khỏi hữu vi, chứng vô vi mà không chấp vào vô vi, cho nên gọi là trụ chắc.” Câu này nói rất hay, đã ra khỏi hữu vi, chứng được vô vi, song không chấp trước vô vi. Trong tâm hễ có chỗ chấp liền rơi vào tình kiến, liền biến pháp vô vi vô thượng thành pháp hữu vi. Công đức của pháp vô vi không có hạn lượng, pháp hữu vi thì có hạn lượng.

Từ trong toán học chúng ta có thể biết, bất kỳ số nào so với vô cực đều bằng không, bất kỳ số nào chia cho vô cực đều bằng không. Cho nên công đức hữu vi so với công đức vô vi thì công đức hữu vi chẳng có gì đáng kể.

Trong kinh Pháp Hoa nói: Long nữ 8 tuổi thành Phật. Trong hội Niết-bàn, đồ tể Quảng Ngạch quăng dao mổ heo, ngay đó thành Phật. Những vị này đều đã thực sự đạt đến vô vi, công đức ấy không thể nghĩ bàn. Chúng ta niệm Phật, nếu thực sự làm được thật thà niệm thì sẽ thâm hợp đạo màu. Trước hết không quan tâm hữu vi hay vô vi, chỉ cần thật thà niệm thì sẽ thâm hợp đạo màu, thứ gì bạn cũng đều quên hết, chỉ còn lại một câu Phật hiệu, đó chính là vô vi mà không chấp trước vô vi, công đức không thể nghĩ bàn. Những Bồ-tát này, tâm trụ vào niết-bàn không có trụ xứ. Nếu tâm trụ vào niết-bàn thì niết-bàn sẽ trở thành trụ xứ. Phàm là ngôn ngữ thì luôn có lỗi cú pháp, cho nên phải khéo thể hội nghĩa của kinh văn.

“Đối với hết thấy vạn vật tùy ý tự tại.”

“Hết thấy vạn vật” chính là hết thấy các hữu. “Tự tại” là chỉ cho thông đạt vô ngại. Phẩm tựa của kinh Pháp Hoa nói: Hết thấy các “hữu” giống như sợi dây thừng, cột gút, quấn chặt lấy người. Chặt đứt hết thấy trời buộc, thân thể liền tự do, cũng đạt được tự tại. Vì sao lại bị quấn trời? Bởi vì tâm bị cảnh giới xoay chuyển. Thấy sắc nghe âm thanh, tâm liền xoay chuyển theo cái được thấy, cho nên liền bị phiền não trời chặt.

Người khác tán thán bạn, bạn liền rất vui; người khác mắng bạn, bạn liền không vui. Do tâm bị cảnh chuyển nên bản thân không có phần tự chủ. Phàm phu chấp trước vào các hữu, yêu thích tài vật, công danh phú quý, vợ con trong thế gian, đây là chấp có; A-la-hán thì kẹt trong tướng không. Nếu chấp trước vào “không” thì “không” sẽ trở thành sắc, bởi vì vẫn có tướng không, cho nên cũng là vật. Rõ ràng bạn chính là Phật, nhưng không dám nhận lấy, lại đi tìm cầu giải thoát cho mình, đây đều rơi vào trong tình chấp.

Những Đại sĩ này thông đạt sâu pháp tánh, các ngài ngay nơi tướng mà lìa tướng, chẳng phải trừ tướng mà lìa tướng. Thế nên Tông môn nói: “Chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh”. Đối với vạn vật, chỉ cần bạn vô tâm là được, đâu sợ vạn vật đến vây quanh bạn. Thế nên, cứ luôn chán phiền, ưa tĩnh, tìm một nơi thích hợp mới có thể tu, đây đều là bị vật chuyển. Tu hành chủ yếu là thấy tướng lìa tướng. Nhìn thấy hình một cô gái đẹp, giống như hình của một cái cây, khi không có phân biệt thì sẽ không bị nó chuyển. Tiến

thêm bước nữa, vật chuyển theo tâm. Vật ở bên ngoài có thể chuyển theo tâm của bạn, cho nên sẽ “tùy ý tự tại”.

Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: Do đạt được thần thông thù thắng, đối với hết thảy mọi thứ có thể biến hóa tùy ý, như vậy khiến chúng sanh đạt được lợi ích, nên gọi là tự tại. Trong tay của A-di-đà Phật có thể xuất hiện vô lượng trân bảo, chẳng những không bị vật chuyển, mà còn có thể chuyển vật. Người có thành tựu đương nhiên sẽ đạt được thần thông. Nếu chúng ta không cầu giác ngộ, mà trước hết đi cầu thần thông thì phương hướng này sai rồi. Như vậy chắc chắn sẽ đi sai đường. Bạn sẽ đi càng xa, tương lai quay lại đường sẽ càng dài. Phật Bồ-tát đều có vô lượng thần thông, thần thông là việc tốt, nhưng thần thông là việc bên lề của thánh đạo. So với thần thông, có rất nhiều thứ còn quan trọng hơn, đáng để chúng ta lưu tâm hơn.

Đại tổ sư Hoàng Bá thời Đường khi chưa khai ngộ đã kết bạn với một người cùng vân du bốn phương. Họ đi đến một nơi, nước trên núi chảy xuống, không đi qua được. Người bạn cùng đi liền ném chiếc nón lá xuống nước, nhảy lên nón lá, xuôi dòng trôi qua sông, rồi vẫy gọi ngài Hoàng Bá nói: “Huynh đến đây, đến đây”. Hoàng Bá nói: “Sớm biết vậy, ta đã đánh gãy cái chân chó của nhà ngươi rồi.” Lúc này vị thần tăng qua sông ấy không ngớt tán thán rằng: “Quả là bậc pháp khí của Đại thừa, tôi không bằng ngài”.

Nếu hành nhân có thể ngay nơi tướng mà lìa tướng thì cũng chính là chuyển vật. Thiền tông nói: “Trúc biếc xanh xanh đều là pháp thân, cúc vàng rực rỡ không ngoài bát-nhã”. Trúc biếc, cúc vàng thảy đều là pháp thân, là bát-nhã, hết thảy vạn vật đều là như thế. Do vậy, không cần đợi có thần thông mà chúng sanh cũng có thể tự tại. Hàm nghĩa của thủ-lãng-nghiêm là “hết thảy sự đều rốt ráo kiên cố”. Vạn vật đều rốt ráo kiên cố, vốn là bình đẳng, không có khác biệt. Đây chẳng phải là chuyển vật đó sao, chẳng phải là tùy ý tự tại sao? Hết thảy sự đều rốt ráo kiên cố.

“Làm người bạn không mời của mọi loài.”

“Mọi loài” là chỉ cho chúng sanh, vì hết thảy chúng sanh mà làm người bạn không mời, chính là không cần chúng sanh thỉnh cầu, mà chủ động đến giúp chúng sanh. Trong Hội Sớ nói: Chúng sanh nghịch giác hợp trần, đắm chìm trong phiền não, trôi nổi trong biển sanh tử. Giống như con mắt sanh ra đã mù, trước giờ chưa từng khởi tâm xuất ly. Do vậy Bồ-tát khởi tâm thương xót, làm người bạn không mời, trước sau không hề chán mỏi. Kinh A-di-đà là không ai hỏi mà

Phật tự nói, đây chính là điển hình của “làm người bạn không mời”. Trong kệ Niết-bàn nói: Bậc cứu độ trong thế gian, phải thỉnh cầu họ thì mới đạt được điều mong cầu; nếu không cần thỉnh cầu mà vẫn giúp bạn đạt được chỗ quy túc, chỗ nương tựa, đây chính là bạn lành thật sự, là đại đạo sư từ ân vô cực.

“Thọ trì pháp tạng thậm thâm của Như Lai.”

Về điều này có hai cách giải thích, đều rất thù thắng:

1. Trong Tịnh Ảnh Sớ và Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: Mỗi người đều có Như Lai tạng, đối với tánh Như Lai tạng có thể hiểu rõ và tu tập, đạt được khai giải thù thắng thì chính là pháp tạng thậm thâm của Như Lai. Còn như “thọ trì”, không phải là bảo bạn đạt được thứ gì, mà bảo bạn trừ bỏ ngu si, chướng ngại. Bởi vì Phật tánh của bạn vốn sẵn đầy đủ, chỉ vì nhiễm một chút đồ dơ, thực ra đồ dơ ấy cũng là hư vọng, hễ vừa chạm đến liền trừ bỏ. Ví dụ trời âm u, nhìn không thấy mặt trời, chỉ cần mây vừa tan thì mặt trời liền xuất hiện, đây chính là thọ trì. Nhân đó thấy rõ tâm mình, biết tâm mình đúng như thật, vậy mới gọi là “thọ trì pháp tạng thậm thâm của Như Lai”.

2. Sách Chân Giải nói: Nghe pháp tạng của hết thầy Như Lai trong ba đời, đây gọi là vạn pháp. Thể hiện vạn pháp quy về một, nhiếp đa văn về nhất văn. Đây là đạo lý của Hoa Nghiêm, một chính là nhiều, nhiều chính là một, đa văn có thể quy về nhất văn, nhất văn chính là nghe danh hiệu Phật. Chính là lấy việc nghe danh hiệu Phật làm “thọ trì pháp tạng thậm thâm của Như Lai”.

Hai cách nói này, một cách chỉ cho minh tâm, một cách chỉ cho nghe danh hiệu. Thực ra hai cách nói này đều có thể tương thông. Kinh Đại Tập nói: “Nếu người chỉ niệm A-di-đà, đó chính là vô thượng thâm diệu thiên”. “Một tiếng Phật hiệu, một tiếng lòng”, một tiếng Phật hiệu trực tiếp hiển bày bốn tâm của người niệm.

“Hộ chủng tánh Phật, thường khiến không dứt.”

“Hộ” chỉ cho bảo hộ, hộ trì, duy trì. Trong Hội Sớ nói “chủng tánh Phật” có bốn cách giải thích. Nay nêu ra ba cách.

1. Khởi phát Phật tánh vốn có của chúng sanh. Mỗi chúng sanh đều có Phật tánh, đây là thứ xưa nay không biến đổi, có thể sanh ra công đức vượt hơn số cát sông Hằng. Hiện nay tuy là chúng sanh, song Phật tánh vốn có không hề biến đổi, chưa từng giảm bớt. Thế nhưng hiện nay bị vô minh che lấp, giống như mặt trời vào ngày âm u, bị mây che mất, tuy có cũng như không. Tuy vậy, công đức vô

biên của mặt trời cũng không mảy may tổn thất. Sự giáo hóa của Bồ-tát nhằm khởi phát Như Lai tạng của chúng sanh, hiển rõ Phật tánh vốn có, nên gọi là “hộ chủng tánh Phật”.

2. Lấy tâm bồ-đề làm hạt giống Phật. Trong kinh Hoa Thủ nói: không có bồ thì không có sữa bồ, không có sữa bồ thì sao làm ra đề-hồ? Nếu không phát tâm bồ-đề thì sẽ không có hạt giống Phật, chỉ có phát tâm bồ-đề thì hạt giống Phật mới không đoạn mất.

3. Lấy xưng danh làm hạt giống Phật. Trong kinh Bảo Vân nói: trồng cây phải có hạt giống, hạt giống gieo xuống mới có thể nảy mầm, phát triển thành cây. Nghe thấy danh hiệu Phật thì có được hạt giống Phật. Sau khi nghe danh hiệu Phật, tín thọ trì danh, thâm tâm phát nguyện, tín nguyện trì danh, có những nhân duyên tốt này hộ trì hạt giống Phật thì tương lai nhất định được thọ ký thành Phật.

Bên trên là ba cách giải thích trong Hội Sớ. Phát tâm bồ-đề và trì danh hiệu Phật là chủng tánh Phật, rất hợp với tông chỉ của kinh này. “Thường khiến không dứt” có hai cách giải thích.

1. Trong Gia Tường Sớ nói: bảo hộ pháp chủng của Như Lai, không để cho đoạn mất.

2. Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: Hộ trì chúng sanh, lìa khỏi các tội chướng, lại còn không ngừng sanh khởi thiện niệm. Trong Đại Luận nói: Thọ trì tuyên nói pháp tạng của Phật ở nơi không có Phật. Hai chữ “thọ trì” rất sâu sắc, trước phải có thể thọ trì thì sau mới có thể tuyên nói. Thọ trì là chỉ cho khế hợp bốn tâm, như vậy hạt giống của tam bảo mới có thể tiếp nối.

“Khởi lòng đại bi, thương xót hữu tình.”

Từ “khởi lòng đại bi” cho đến “gánh vác việc cứu giúp” biểu thị lòng đại từ đại bi của những Đại sĩ này. “Thương xót hữu tình”, thương xót chính là khởi niệm xót thương. Bồ-tát từ bi thương xót chúng sanh, đây là lòng đại bi bình đẳng. Đối với tất cả đều đối xử bình đẳng, không có những phân biệt oán thân, yêu ghét.

“Từ bi diễn nói, truyền trao pháp nhãn.”

Xuất phát từ tâm từ bi, khiến chúng sanh đạt được an lạc mà thuyết pháp cho họ, gọi là “từ bi diễn nói”. Pháp nhãn là một trong năm nhãn.

Năm nhãn là: nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn. Pháp nhãn là trí tuệ, có thể lựa chọn tất cả pháp môn. Trong Hội Sớ nói: Đối với Phật đạo sanh khởi chánh kiến, gọi là pháp nhãn. Trong Tịnh Ảnh nói: Trí tuệ có thể

phân biệt rõ hết thấy pháp tướng, gọi là pháp nhãn. Pháp nhãn có thể thích ứng với các loại căn khí, lựa chọn phương pháp thiện xảo nhất, trí tuệ như vậy được gọi là pháp nhãn. Chúng ta dẫn dắt chúng sanh sanh khởi chánh tri chánh kiến đối với Phật pháp, giống như chính mình đã có trí tuệ, đạt được pháp nhãn, gọi là “truyền trao pháp nhãn”.

Nhất là pháp môn Tịnh độ, chúng sanh có thể lựa chọn và xem trọng pháp môn này, loại trí tuệ này rất không tầm thường, chỉ có thực sự đạt được pháp nhãn thì mới có thể thông đạt hiểu rõ. Thế nhưng, Phật truyền trao pháp nhãn này cho mọi người, nói với mọi người sự thù thắng của pháp môn Tịnh độ, mọi người có thể tin, có thể niệm, có thể làm theo như pháp thì cũng như chính mình có được pháp nhãn. Những thứ này đều là Phật truyền trao cho mọi người, cho nên gọi là “truyền trao pháp nhãn”.

“Đóng đường ác, mở cửa lành.”

“Đóng đường ác” là chỉ cho ngăn chặn ba đường ác: súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Đường ác khổ không nói nên lời, thọ báo trong ba đường ác là năm ngàn kiếp. Nếu đọa địa ngục thì nỗi khổ ấy càng khủng khiếp hơn nữa. Những Đại sĩ này đã chặn cửa vào ba đường ác cho chúng sanh. Đại nguyện của A-di-đà Phật nói: “Sanh đến nước tôi... không còn đọa vào đường ác”. Hiện nay rất nhiều người phản đối việc mang nghiệp vãng sanh, nguyện này đã chứng minh chúng sanh là mang nghiệp mà vãng sanh. Căn cứ vào nghiệp lực của bạn, lẽ ra bạn đọa vào ba đường ác, nhưng do bạn chí tâm niệm Phật, Phật đến tiếp dẫn vãng sanh, do vậy không còn đọa vào ba đường ác.

“Mở cửa lành” là chỉ cho cửa bồ-đề niết-bàn. Kinh này nói: “Ắt được siêu vượt, dứt tuyệt luân hồi, vãng sanh về cõi vô lượng thanh tịnh của A-di-đà Phật”, đây chính là “mở cửa lành”. Thế giới Cực Lạc vô cùng dễ đến, sau khi vãng sanh không còn vào ba đường ác nữa, lại còn chắc chắn một đời thành Phật. Vì sao vậy? Bởi vì không thoái chuyển, hơn nữa thọ mạng vô lượng, một đời lẽ nào không thể thành Phật.

“Với các chúng sanh, xem như chính mình, gánh vác việc cứu giúp, đều độ lên bờ giác.”

“Xem như chính mình”, xem hết thấy chúng sanh thành chính mình, đây gọi là đồng thể đại bi. Kinh Niết-bàn nói: “Hết thấy chúng sanh chịu các khổ, đều là một mình Như Lai chịu khổ”. Hết thấy chúng sanh chịu các loại khổ, thực ra là một mình Như Lai đang chịu khổ. “Cứu giúp” là chỉ cho cứu độ, “gánh vác” là

chỉ cho đảm đương gánh vác. Trong kinh Đại Pháp Cự Đà-ra-ni nói: Thệ nguyện của Bồ-tát chính là muốn gánh vác, cứu độ tất cả chúng sanh ra khỏi thế gian. Phật xem hết thấy chúng sanh giống như đứa con duy nhất của mình, thứ gì cũng muốn cho nó, cho đến khiến chúng sanh chứng được vô dư niết-bàn. Chúng sanh đều chứng niết-bàn thì chính là “đều độ lên bờ giác”.

“Đều được vô lượng công đức của chư Phật, trí tuệ thánh minh, không thể nghĩ bàn.”

Câu này chứng thực điều được nói ở trên, những Đại sĩ này đều là những vị có đủ công đức trên quả giác của Như Lai, từ quả hướng về nhân mà thị hiện địa vị Bồ-tát. “Đều được” là chỉ cho đều đạt được. Những vị đến pháp hội này đều là đại Bồ-tát, đều đạt được vô lượng công đức của hết thấy Phật. “Trí tuệ thánh minh, không thể nghĩ bàn”, các Đại sĩ đều đạt được trí tuệ trang nghiêm của Như Lai. Triệu công giải thích rằng: Trí tuệ là thể, thánh minh là dụng. Phàm việc gì cũng đều có thể và dụng. Đối với hết thấy việc, không việc nào chẳng thể thông đạt thấu suốt thì gọi là thánh. Sự chiếu soi của Bồ-tát là linh minh, không vật gì ở thế gian có thể sánh bằng, cho nên gọi là “linh chiếu”, chẳng thể dùng lời nói và suy nghĩ để hình dung, suy luận xem “thánh minh” rốt cuộc là thứ gì. Vì phàm tình của chúng sanh tuyệt đối không thể hiểu được, cũng tuyệt chẳng thể diễn nói, cho nên gọi là “không thể nghĩ bàn”.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Vô lượng vô biên các đại Bồ-tát như vậy đồng thời đến tụ hội. Lại có năm trăm tỷ-kheo-ni, bảy ngàn thanh tín sĩ, năm trăm thanh tín nữ, thiên chúng thanh tịnh trời Dục giới, trời Sắc giới đều cùng đến đại hội.

“Vô lượng vô biên các đại Bồ-tát như vậy đồng thời đến tụ hội.”

Đại Bồ-tát vô lượng vô biên như vậy, đồng thời cùng đến. Bên trên đã tổng kết các đại Bồ-tát, Chánh sĩ tuân theo đức của ngài Phổ Hiền, đến nghe pháp, đến tán dương Tịnh độ tông, muốn hoằng truyền rộng khắp mười đại nguyện vương của ngài Phổ Hiền. Để độ cho hết thấy hữu tình trong mười phương ba đời thì phải khiến chúng sanh như thế nào? Khiến họ đều có thể vãng sanh Tịnh độ. Vãng sanh Tịnh độ thì sau cùng có thể đạt đến niết-bàn. Do vậy, những đại Bồ-tát này đồng tâm đồng đức, đồng thời đến pháp hội.

“Lại có năm trăm tỷ-kheo-ni, bảy ngàn thanh tín sĩ, năm trăm thanh tín nữ, thiên chúng thanh tịnh trời Dục giới, trời Sắc giới đều cùng đến đại hội.”

“Thanh tín sĩ” chính là ưu-bà-tắc, cư sĩ nam, chứng tỏ pháp môn Tịnh tông thích hợp với người tại gia. Trong pháp hội lớn gồm 20.000 người, có 12.000 tỳ-kheo, 7.000 cư sĩ nam, 500 tỳ-kheo-ni, 500 cư sĩ nữ. Về sau lúc nhìn thấy thế giới Cực Lạc, trên địa cầu có 20.000 người chứng kiến. Còn có thiên chúng trời Dục giới, trời Sắc giới, chư Phật Bồ-tát vô lượng vô biên. Đại Bồ-tát tuân theo đức của ngài Phổ Hiền càng vô lượng vô biên hơn nữa. Cuối kinh còn nhắc đến hết thấy thiên long bát bộ, tất cả đại chúng nghe Phật thuyết pháp thấy đều rất hoan hỷ, do vậy thiên long bát bộ cũng đến tham gia pháp hội.

Hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.